| BỘ CÔNG THƯƠNG<br>TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 262 /TB-ĐHCN | *Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2024* |

# THÔNG BÁO

**Điểm trúng tuyển hệ Đại học hệ Chính quy năm 2024 bằng phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT**

Hội đồng Tuyển sinh Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh thông báo điểm trúng tuyển hệ Đại học hệ Chính quy năm 2024 bằng phương thức xét tuyển sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (mức điểm cho các thí sinh thuộc khu vực 3, không thuộc diện ưu tiên chính sách) của các ngành/nhóm ngành tại Trụ sở chính Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

| Stt | Mã ngành | Tên ngành/chuyên ngành | Tổ hợp xét tuyển | Điểm trúng tuyển |
|---|---|---|---|---|
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI TRÀ** | | | | |
| 1 | 7510301 | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo | A00, A01, C01, D90 | 21.50 |
| 2 | 7510303 | Tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh | A00, A01, C01, D90 | 24.50 |
| 3 | 7510302 | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông gồm 03 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông; IOT và Tin học nhúng tạo ứng dụng | A00, A01, C01, D90 | 23.00 |
| 4 | 7480108 | Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật vi mạch | A00, A01, C01, D90 | 24.00 |
| 5 | 7510201 | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | A00, A01, C01, D90 | 23.50 |
| 6 | 7510203 | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | A00, A01, C01, D90 | 24.25 |
| 7 | 7510202 | Công nghệ chế tạo máy | A00, A01, C01, D90 | 22.75 |
| 8 | 7510205 | Công nghệ kỹ thuật ô tô gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô điện | A00, A01, C01, D90 | 24.00 |
| 9 | 7510206 | Công nghệ kỹ thuật nhiệt gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật năng lượng | A00, A01, C01, D90 | 21.50 |
| 10 | 7580201 | Kỹ thuật xây dựng | A00, A01, C01, D90 | 19.00 |
| 11 | 7580205 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | A00, A01, C01, D90 | 19.00 |
| 12 | 7580302 | Quản lý xây dựng | A00, A01, C01, D90 | 19.00 |
| 13 | 7580204 | Công nghệ đột, rèn | A00, C01, D01, D96 | 19.00 |
| 14 | 7210404 | Thiết kế thời trang | A00, C01, D01, D96 | 21.25 |
| 15 | 7480201 | Nhóm ngành Công nghệ thông tin gồm 04 ngành và 01 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin; Chuyên ngành: Quản lý dữ liệu thông minh và bảo mật | A00, A01, D01, D90 | 23.50 |
| 16 | 7460108 | Chuyên ngành Khoa học dữ liệu thuộc ngành Khoa học máy tính | A00, A01, D01, D90 | 23.50 |
| 17 | 7510401 | Công nghệ hóa học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa phân tích; Hóa dược. | A00, B00, D07, C02 | 20.50 |
| 18 | 7720201 | Dược học | A00, B00, D07, C08 | 23.00 |
| 19 | 7540101 | Công nghệ thực phẩm | A00, B00, D07, D90 | 20.00 |
| 20 | 7729497 | Dinh dưỡng và Khoa học thực phẩm | A00, B00, D07, D90 | 19.00 |
| 21 | 7540106 | Đảm bảo chất lượng và An toàn thực phẩm | A00, B00, D07, D90 | 19.00 |
| 22 | 7420201 | Công nghệ sinh học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học thiên nhiên | A00, B00, D07, D90 | 22.25 |
| 23 | 7850103 | Ngành Quản lý đất đai gồm 02 chuyên ngành: Quản lý đất đai; Kinh tế tài nguyên thiên nhiên. | A01, C01, D01, D96 | 19.00 |
| 24 | 7850101 | Quản lý tài nguyên và môi trường. | B00, C02, D96, D96 | 19.00 |
| 25 | 7510406 | Công nghệ kỹ thuật môi trường | A00, B00, D07, D90 | 19.00 |
| 26 | 7340301 | Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán; Thuế | A00, A01, D01, D96 | 23.00 |
| 27 | 7340302 | Kiểm toán gồm 02 chuyên ngành: Kiểm toán; Phân tích kinh doanh | A00, A01, D01, D96 | 23.00 |
| 28 | 7340201 | Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính | A00, A01, D01, D96 | 24.00 |
| 29 | 7340101 | Quản trị kinh doanh gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A01, C01, D01, D96 | 24.25 |
| 30 | 7340115 | Marketing gồm 02 chuyên ngành: Marketing; Digital Marketing | A01, C01, D01, D96 | 25.25 |
| 31 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 chuyên ngành:<br>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;<br>- Quản trị khách sạn;<br>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ẩm uống | A01, C01, D01, D96 | 22.50 |
| 32 | 7340120 | Kinh doanh quốc tế | A01, C01, D01, D96 | 24.00 |
| 33 | 7340122 | Thương mại điện tử | A01, C01, D01, D90 | 24.50 |
| 34 | 7220201 | Ngôn ngữ anh | D01, D14, D15, D96 | 23.00 |
| 35 | 7380107 | Luật kinh tế | A00, C00, D01, D96 | 26.00 |
| 36 | 7380108 | Luật quốc tế | A00, C00, D01, D96 | 24.50 |
| **CHƯƠNG TRÌNH TĂNG CƯỜNG TIẾNG ANH** | | | | |
| 1 | 7510301C | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử; Năng lượng tái tạo | A00, A01, C01, D90 | 18.00 |
| 2 | 7510303C | Tự động hóa gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Robot và hệ thống điều khiển thông minh | A00, A01, C01, D90 | 22.00 |
| 3 | 7510302C | Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông Chương trình tăng cường tiếng Anh gồm 02 chuyên ngành: Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông | A00, A01, C01, D90 | 20.00 |
| 4 | 7480108C | Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật máy tính; Công nghệ kỹ thuật vi mạch | A00, A01, C01, D90 | 22.00 |
| 5 | 7510201C | Công nghệ kỹ thuật cơ khí | A00, A01, C01, D90 | 22.00 |
| 6 | 7510203C | Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử | A00, A01, C01, D90 | 22.00 |
| 7 | 7510202C | Công nghệ chế tạo máy | A00, A01, C01, D90 | 20.75 |
| 8 | 7510205C | Công nghệ kỹ thuật ô tô gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Công nghệ kỹ thuật ô tô điện | A00, A01, C01, D90 | 23.00 |
| 9 | 7510206C | Công nghệ kỹ thuật nhiệt gồm 02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật nhiệt; Công nghệ kỹ thuật năng lượng | A00, A01, C01, D90 | 18.00 |
| 10 | 7480201C | Nhóm ngành Công nghệ thông tin Chương trình tăng cường Tiếng Anh gồm 04 ngành: Công nghệ thông tin; Kỹ thuật phần mềm; Khoa học máy tính; Hệ thống thông tin. | A00, A01, D01, D90 | 22.00 |
| 11 | 7510401C | Công nghệ hóa học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật hóa học; Kỹ thuật hóa phân tích; Hóa dược. | A00, B00, D07, C02 | 18.00 |
| 12 | 7540101C | Công nghệ thực phẩm | A00, B00, D07, D90 | 18.00 |
| 13 | 7420201C | Công nghệ sinh học gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ sinh học y dược; Công nghệ sinh học nông nghiệp; Công nghệ sinh học thiên nhiên | A00, B00, D07, D90 | 18.00 |
| 14 | 7340301C | Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán; Thuế | A00, A01, D01, D96 | 21.00 |
| 15 | 7340302C | Kiểm toán gồm 02 chuyên ngành: Kiểm toán; Phân tích kinh doanh. | A00, A01, D01, D96 | 21.00 |
| 16 | 7340201C | Tài chính ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Ngân hàng; Tài chính | A00, A01, D01, D96 | 21.50 |
| 17 | 7340101C | Quản trị kinh doanh gồm 03 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh; Quản trị nguồn nhân lực; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng | A01, C01, D01, D96 | 22.00 |
| 18 | 7340115C | Marketing gồm 02 chuyên ngành: Marketing; Digital Marketing | A01, C01, D01, D96 | 22.25 |
| 19 | 7810103C | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 chuyên ngành:<br>- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;<br>- Quản trị khách sạn;<br>- Quản trị nhà hàng và dịch vụ ẩm uống | A01, C01, D01, D96 | 19.00 |
| 20 | 7340120C | Kinh doanh quốc tế | A01, C01, D01, D96 | 23.00 |
| 21 | 7340122C | Thương mại điện tử | A01, C01, D01, D96 | 21.50 |
| 22 | 7380107C | Luật kinh tế | A00, C00, D01, D96 | 23.50 |
| 23 | 7380108C | Luật quốc tế | A00, C00, D01, D96 | 22.50 |
| 24 | 7340301Q | Kế toán tích hợp chứng chỉ quốc tế Advanced Diploma in Accounting & Business của Hiệp hội Kế toán công chứng Anh (ACCA) | A00, A01, D01, D96 | 21.00 |
| 25 | 7340302Q | Kiểm toán tích hợp chứng chỉ quốc tế CPAB của Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) | A00, A01, D01, D96 | 21.00 |

**Lưu ý:**

- Mức điểm trúng tuyển trên căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024. Điều kiện để nhập học là thí sinh đỗ tốt nghiệp THPT.
- Mức điểm trúng tuyển trên áp dụng chung cho tất cả các tổ hợp xét tuyển của mỗi ngành/nhóm ngành.
- Thí sinh tra cứu kết quả trúng tuyển và các thông tin về hồ sơ nhập học trên website: http://www.tuyensinh.iuh.edu.vn/thisinh .
- Thí sinh trúng tuyển làm thủ tục nhập học trực tuyến từ 19/8/2024 đến 27/8/2024 (kể cả Thứ bảy, Chủ nhật).
- Hướng dẫn làm thủ tục nhập học trực tuyến tại địa chỉ: https://iuh.edu.vn/vi/nhap-hoc-2024-41142.html.
- Phụ huynh và thí sinh cần biết thêm chi tiết, xin liên hệ:

+ Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh: Số 12 Nguyễn Văn Bảo, Phường 4, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Điện thoại: (028) 3895 5858, (028) 3985 1932; (028) 3985 1917;

+ Email: tuyensinh@iuh.edu.vn; Website: www.tuyensinh.iuh.edu.vn/.

**Nơi nhận:**
- Các đơn vị đào tạo;
- Đăng tin Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.

**HIỆU TRƯỞNG**

**PGS. Phan Hồng Hải**